

Bản án số: **253/2026/DS-ST**

Ngày: 21-5-2026

V/v “*Tranh chấp Hợp đồng
tín dụng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Trương Thị Hai

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đoàn Văn Đức

2. Ông Hà Đồng Tịnh

-Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Xuân Hoàng - Cán bộ Toà án nhân dân Khu vực 2 - Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Đà Nẵng tham gia phiên toà:
Bà Trịnh Ngọc Thuỳ Trang - Kiểm sát viên

Ngày 21 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 265/2025/TLST-DS ngày 16 tháng 10 năm 2025, về tranh chấp “*Hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 265/2026/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 3 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên toà số 54/2026/QĐST-DS ngày 30 tháng 3 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên toà số 98/2026/QĐST-DS ngày 28 tháng 4 năm 2026 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* **Ngân hàng TMCP K**; Địa chỉ trụ sở chính: 40, 42, D P, phường R, tỉnh Kiên Giang; Người đại diện theo pháp luật: **Ông Trần Ngọc M**; Chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị; (Theo Quyết định số 17/QĐ-HĐQT ngày 05/07/2027 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP K); Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Lê Trung V**; Chức danh: Giám đốc Văn phòng Đ tại thành phố Hồ Chí Minh; (Theo Quyết định 68/QĐ-CT.HĐQT ngày 09/07/2024 Về việc ủy quyền ký duyệt hồ sơ, tài liệu liên quan đến công tác xử lý nợ của Chủ tịch hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP K); Ông **Lê Trung V** uỷ quyền cho ông Mai Đăng Á (chuyên viên xử lý nợ); Bà Nguyễn Thị Tuyết S (chuyên viên xử lý nợ) tham gia tố tụng; Địa chỉ liên hệ: 1 N, phường T, thành phố Đà Nẵng. (Theo Văn bản uỷ quyền số 117A/QĐ-NHKL ngày 17/01/2025). (Bà S có mặt)

2. *Bị đơn:* Ông **Thiều Quang T** và bà **Mai Thị Như L**; Địa chỉ: B P, Tổ G, phường S, thành phố Đà Nẵng. Gởi thông báo cho ông **Thiều Quang T** theo địa chỉ:

Trạm Cảnh sát giao thông cửa ô H1 - A T, phường N, thành phố Đà Nẵng. (Ông T và bà L có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện ngày 26/8/2025 của Ngân hàng TMCP K và quá trình tố tụng tại Tòa án, đại diện uỷ quyền của Ngân hàng TMCP K bà Nguyễn Thị Tuyết S trình bày:

Ông Thiệu Quang T và bà Mai Thị Như L, sau đây gọi tắt là "Khách hàng" và Ngân hàng TMCP K - C "gọi tắt là Ngân hàng K" có ký Hợp đồng tín dụng từng lần số 152/24/HĐTD ngày 24/05/2024 và Giấy đăng ký phát hành kèm Hợp đồng sử dụng thẻ quốc tế Đ số 165/24/TC/0500-001497119 ngày 12/06/2024.

Theo đó, Ngân hàng K đã giải ngân cho ông Thiệu Quang T và bà Mai Thị Như L với nội dung cụ thể như sau:

1. Hợp đồng tín dụng từng lần số 152/24/HĐTD ngày 24/05/2024
 - Số tiền vay: 990.000.000 đồng (Bằng chữ: Chín trăm chín mươi triệu đồng)
 - Số tiền giải ngân: 990.000.000 đồng (Bằng chữ: Chín trăm chín mươi triệu đồng)
 - Giải ngân ngày: 24/05/2024
 - Mục đích vay: Mua xe ô tô
 - Thời hạn vay: 84 tháng; ngày trả nợ cuối cùng 24/05/2031
 - Lãi suất trong hạn : 8,8%/năm. Lãi suất vay được cố định trong 18 tháng đầu kể từ ngày giải ngân. Sau thời gian cố định lãi suất vay được điều chỉnh 03 tháng/lần và LSV điều chỉnh được tính như sau: LSV bằng (=) LSCSDH theo quy định Đ tại thời điểm điều chỉnh + Biên độ (3,5%).
 - Lãi suất nợ quá hạn: 150% lãi suất vay tại thời điểm chuyển nợ quá hạn
 - Lãi suất lãi chậm trả lãi trong hạn: 10%/năm
 - Kỳ hạn trả nợ gốc: Trả định kỳ hàng tháng vào ngày 24, kỳ trả đầu tiên vào ngày 24/06/2024, số tiền phải trả mỗi kỳ như sau.

Kỳ hạn trả nợ	Số tiền gốc phải trả mỗi kỳ	Thành tiền
Kỳ 01 đến kỳ 83	11.785.000 đồng	978.155.000 đồng
Kỳ 48	11.845.000 đồng	11.845.000 đồng
TỔNG CỘNG		990.000.000 đồng

Kỳ hạn trả nợ lãi: Trả định kỳ vào ngày 24 hàng tháng. Ngày trả lãi vay đầu tiên: 24/06/2024. Tiền lãi được tính: Theo Thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện cấp tín dụng chung của Đ đính kèm Hợp đồng tín dụng.

2. Giấy đăng ký phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ quốc tế Đ số 165/24/TC/0500-001497119 ngày 01/06/2024

- Hạn mức thẻ: 10.000.000 đồng (Bằng chữ: Mười triệu đồng).
- Mục đích vay: Tiêu dùng;
- Thời hạn vay: 36 tháng;
- Lãi phí, phạt: Theo quy định của Ngân hàng về sản phẩm thẻ tín dụng quốc tế từng thời kỳ.

- Phương thức trả nợ: Theo quy định của Ngân hàng về sản phẩm thẻ tín dụng quốc tế từng thời kỳ.

Tài sản bảo đảm thực hiện hợp đồng vay: Tài sản bảo đảm thực hiện hợp đồng vay là xe ô tô được ghi nhận tại Hợp đồng thế chấp máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải số: 152/24/MMTB ngày 24/05/2024.

Đặc điểm cụ thể của tài sản thế chấp: Xe ô tô tải nhãn hiệu: MITSUBISHI; Số loại: PAJERO; loại xe: ô tô con; màu sơn: Trắng/đen; số chỗ ngồi: 07 chỗ; số máy: 4N15UKD5902; số khung: MMBGUKS10PH011196; biển số đăng ký: 43A-834.93 theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 43 011573 do Phòng C1 Công an T2 cấp ngày 22/05/2024.

Hợp đồng thế chấp máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải số 152/24/MMTB ngày 24/05/2024 đã được công chứng tại Văn phòng C2 ngày 24/05/2024 và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản TP . ngày 24/05/2024.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng vay vốn tại Ngân hàng K, ông Thiệu Quang T và bà Mai Thị Như L đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng, Giấy đăng ký phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ quốc tế Đ được ký kết với Ngân hàng K. Tạm tính đến ngày 22/12/2025, ông Thiệu Quang T và bà Mai Thị Như L hiện còn nợ Ngân hàng K tổng số tiền 990.219.190 đồng, cụ thể như sau:

1. Hợp đồng tín dụng từng lần số 152/24/HĐTD ngày 24/05/2024

Khoản mục	Hợp đồng tín dụng từng lần số 441/24/HĐTD ngày 16/10/2024
Vốn gốc	895.720.000 đồng
Lãi trong hạn	70.094.602 đồng
Tiền phạt chậm trả lãi	2.846.802 đồng
Lãi quá hạn	7.057.827 đồng
Tổng cộng	975.719.231 đồng

2. Giấy đăng ký phát hành kèm hợp đồng sử dụng thẻ quốc tế Đ số 165/24/TC/0500-001497119 ngày 12/06/2024.

Khoản mục	Hợp đồng sử dụng thẻ quốc tế Kienlongbank số 165/24/TC/0500-001497119 ngày 12/06/2024
Vốn gốc	9.376.137 đồng
Lãi trong hạn	2.465.153 đồng
Tiền phạt chậm trả	1.058.669 đồng
Phí phạt vượt hạn mức	1.600.000 đồng
Tổng cộng	14.499.959 đồng

Từ những nội dung trình bày trên, Ngân hàng TMCP K kính đề nghị quý Tòa:

Buộc ông Thiệu Quang T và bà Mai Thị Như L thanh toán cho Ngân hàng TMCP K tổng số tiền 990.219.190 đồng, trong đó bao gồm nợ gốc: 905.096.137 đồng, nợ lãi trong hạn: 72.559.755 đồng, phạt chậm trả lãi: 3.905.471 đồng, nợ lãi quá hạn: 7.057.827 đồng, Phí phạt vượt hạn mức 1.600.000 đồng và số tiền nợ lãi, tiền phạt phát sinh mà các bên đã thỏa thuận và ký tại Hợp đồng tín dụng từng lần số 152/24/HĐTD ngày 24/05/2024, Hợp đồng sử dụng thẻ quốc tế Đ số 165/24/TC/0500-001497119 ngày 12/06/2024, kể từ ngày 23/12/2025 cho đến khi tất toán toàn bộ khoản vay.

Trường hợp ông Thiệu Quang T và bà Mai Thị Như L không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên thì Ngân hàng TMCP K có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản bảo đảm của khoản vay nói trên để thu hồi nợ cho Ngân hàng, tài sản bảo đảm là: Xe ô tô tải nhãn hiệu: MITSUBISHI; Số loại: PAJERO; loại xe: ô tô con; màu sơn: Trắng/đen; số chỗ ngồi: 07 chỗ; số máy: 4N1SUKD5902; số khung: MMBGUKS10PH011196; biển số đăng ký: 43A-834.93 theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 43 011573 do Phòng C1 Công an T2 cấp ngày 22/05/2024.

Sau khi xử lý tài sản bảo đảm trên mà vẫn không đủ để thanh toán nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng TMCP K có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền kê biên phát mại những tài sản thuộc quyền sở hữu của ông Thiệu Quang T và bà Mai Thị Như L để thu hồi nợ cho Ngân hàng

Toàn bộ chi phí phát sinh trong quá trình tố tụng ông Thiệu Quang T và bà Mai Thị Như L phải chịu theo quy định pháp luật.

Tại phiên toà đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn bà S xin rút một phần yêu cầu khởi kiện như sau:

- Rút yêu cầu giải quyết đối với Giấy đăng ký phát hành kèm hợp đồng sử dụng thẻ quốc tế Đ số 165/24/TC/0500-001497119 ngày 12/06/2024, vì ông Thiệu Quang T đã trả sau khi Toà án thụ lý.

- Rút yêu cầu xử lý tài sản thế chấp Xe ô tô tải nhãn hiệu: MITSUBISHI; Số loại: PAJERO; loại xe: ô tô con; màu sơn: Trắng/đen; số chỗ ngồi: 07 chỗ; số máy: 4N15UKD5902; số khung: MMBGUKS10PH011196; biển số đăng ký: 43A-834.93 theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 43 011573 do Phòng C1 Công an thành phố T2 cấp ngày 22/05/2024.

Ngân hàng TMCP K yêu cầu ông Thiệu Quang T và bà Mai Thị Như L trả số tiền tạm tính đến ngày 21/5/2026 là **838.226.720** đồng, trong đó bao gồm nợ gốc: 790.666.080 đồng, nợ lãi trong hạn: 43.047.624 đồng, nợ lãi chậm trả lãi trong hạn: 701.122 đồng, nợ lãi quá hạn: 3.811.894 đồng (lãi tính đến ngày 21/5/2026) và kể từ ngày 22/5/2026 phải trả số tiền nợ lãi phát sinh mà các bên đã thỏa thuận, ký tại Hợp đồng tín dụng từng lần số 152/24/HĐTD ngày 24/05/2024, cho đến khi tất toán toàn bộ khoản vay.

**** Bị đơn ông Thiệu Quang T và bà Mai Thị Như L trình bày:***

Ông Thiệu Quang T và bà Mai Thị Như L có vay tiền của Ngân hàng TMCP K theo Hợp đồng tín dụng từng lần số 152/24/HĐTD ngày 24/05/2024 và Giấy đăng ký phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ quốc tế Đ số 165/24/TC/0500-001497119 ngày 01/06/2024 đúng như Ngân hàng trình bày. Sau khi Toà án thụ lý vụ án ông Thiệu Quang T đã trả cho Ngân hàng 200.000.000 đồng. Số tiền còn lại ông Thiệu Quang T và bà Mai Thị Như L sẽ thanh toán cho Ngân hàng trong thời gian sớm nhất theo đề nghị của Ngân hàng như hợp đồng đã ký.

**** Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Đà Nẵng tại phiên tòa:***

- Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng trình tự quy định của pháp luật.

Đối với các đương sự: Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật.

Quan điểm giải quyết vụ án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của đối với ông Thiệu Quang T và bà Mai Thị Như L về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

Buộc ông Thiệu Quang T và bà Mai Thị Như L có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho số tiền tạm tính đến ngày 21/5/2026 là **838.226.720 đồng**, trong đó bao gồm nợ gốc: 790.666.080 đồng, nợ lãi trong hạn: 43.047.624 đồng, nợ lãi chậm trả lãi trong hạn: 701.122 đồng, nợ lãi quá hạn: 3.811.894 đồng. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 22/5/2026), ông Thiệu Quang T và bà Mai Thị Như L còn phải tiếp tục chịu

khoản tiền lãi theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong.

Đình chỉ yêu cầu giải quyết đối với Giấy đăng ký phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ quốc tế Đ số 165/24/TC/0500-001497119 ngày 12/06/2024 và yêu cầu xử lý tài sản thế chấp Xe ô tô tải nhãn hiệu: MITSUBISHI; Số loại: PAJERO; loại xe: ô tô con; màu sơn: Trắng/đen; số chỗ ngồi: 07 chỗ; số máy: 4N15UKD5902; số khung: MMBGUKS10PH011196; biển số đăng ký: 43A-834.93 theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 43 011573 do Phòng C1 Công an thành phố T2 cấp ngày 22/05/2024.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Theo đơn khởi kiện ngày 26/8/2025 nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tiền theo hợp đồng tín dụng và thẻ tín dụng. Do đó, căn cứ vào khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự, quan hệ pháp luật là tranh chấp “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

[1.2] Về thẩm quyền: Bị đơn có địa chỉ: B P, tổ G, phường S, thành phố Đà Nẵng. Do đó, căn cứ vào Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, tranh chấp phát sinh giữa nguyên đơn và bị đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Đà Nẵng.

[1.3] Bị đơn ông Thiệu Quang T và bà Mai Thị Như L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, HĐXX xét xử vắng mặt ông Thiệu Quang T và bà Mai Thị Như L.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định:

Ngày 24/5/2024, Ngân hàng TMCP K với ông Thiệu Quang T và bà Mai Thị Như L đã ký kết “Hợp đồng tín dụng từng lần” số 152/24/HĐTD. Theo nội dung hợp đồng, Ngân hàng cho ông T và bà L vay số tiền 990.000.000 đồng nhằm mục đích mua xe ô tô; thời hạn vay 84 tháng; phương thức thanh toán nợ gốc và lãi theo định kỳ hàng tháng; lãi suất trong hạn là 8,8%/năm; lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn, lãi suất chậm trả lãi trong hạn là 10%/năm. Quá trình thực hiện hợp đồng, Ngân hàng TMCP K đã giải ngân đầy đủ số tiền vay theo thỏa thuận. Ông Thiệu Quang T và bà Mai Thị Như L đã nhận tiền vay và thực hiện thanh toán được một phần nghĩa vụ trả nợ. Tuy nhiên, sau đó ông T và bà L không thực hiện đúng nghĩa vụ

thanh toán nợ gốc và lãi theo cam kết, vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký kết, dẫn đến khoản vay bị chuyển nợ quá hạn từ ngày 24/9/2025. Tính đến ngày 21/5/2026, ông Thiều Quang T và bà Mai Thị Như L còn nợ Ngân hàng TMCP K tổng số tiền 838.226.720 đồng, bao gồm: nợ gốc 790.666.080 đồng; nợ lãi trong hạn 43.047.624 đồng; nợ lãi chậm trả lãi trong hạn: 701.122 đồng; nợ lãi quá hạn 3.811.894 đồng.

[2.2] Hội đồng xét xử xét thấy: “Hợp đồng tín dụng từng lần” số 152/24/HĐTD ngày 24/5/2024 được các bên giao kết trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện; các bên tham gia giao kết có đầy đủ năng lực pháp luật dân sự, năng lực hành vi dân sự; mục đích và nội dung của hợp đồng không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội; hình thức hợp đồng phù hợp quy định pháp luật. Do đó, hợp đồng tín dụng nêu trên phù hợp với quy định tại Điều 117 Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 23, 24, 27 và 28 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N nên có hiệu lực pháp luật, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên kể từ thời điểm giao kết.

[2.3] Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xác định tính đến ngày 21/5/2026, ông Thiều Quang T và bà Mai Thị Như L còn nợ Ngân hàng TMCP K tổng số tiền 838.226.720 đồng, gồm: nợ gốc 790.666.080 đồng; nợ lãi trong hạn 43.047.624 đồng; nợ lãi chậm trả lãi trong hạn: 701.122 đồng; nợ lãi quá hạn 3.811.894 đồng và yêu cầu bị đơn tiếp tục thanh toán khoản lãi phát sinh kể từ ngày 22/5/2026 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng. Hội đồng xét xử xét thấy, trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, ông Thiều Quang T và bà Mai Thị Như L đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ theo thỏa thuận đã cam kết, làm phát sinh nợ quá hạn. Vì vậy, Ngân hàng TMCP K yêu cầu thu hồi toàn bộ khoản nợ trước hạn và buộc ông T, bà L thanh toán toàn bộ số tiền nợ gốc, lãi phát sinh là có căn cứ, phù hợp với thỏa thuận của các bên và quy định của pháp luật. Mặt khác, mức lãi suất cho vay, lãi suất quá hạn và lãi suất chậm trả lãi trong hạn mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng phù hợp với quy định tại Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017), khoản 2 Điều 100 và Điều 103 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024; khoản 4 Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N; Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Do đó, căn cứ các Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 91, 95 và 98 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; khoản 2 Điều 100 và Điều 103 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024; Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Thiều Quang T và bà Mai Thị Như L có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho Ngân hàng TMCP K tổng số tiền tính đến ngày 21/5/2026 là 838.226.720 đồng, trong đó gồm: nợ

gốc 790.666.080 đồng; nợ lãi trong hạn 43.047.624 đồng; nợ lãi chậm trả lãi trong hạn: 701.122 đồng; nợ lãi quá hạn 3.811.894 đồng.

[2.4] Kể từ ngày 22/5/2026 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ, ông Thiều Quang T và bà Mai Thị Như L còn phải tiếp tục liên đới chịu khoản tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký kết. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng TMCP K thì lãi suất mà ông T và bà L phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cũng được điều chỉnh tương ứng theo sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng.

[3] Đối với yêu cầu liên quan đến “Giấy đăng ký phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ quốc tế Đ” số 165/24/TC/0500-001497119 ngày 01/6/2024. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Thiều Quang T đã thanh toán xong khoản nợ phát sinh từ hợp đồng sử dụng thẻ nêu trên; tại phiên tòa, nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện đối với phần yêu cầu này. Xét việc rút yêu cầu của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu nêu trên.

[4] Đối với yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm: Tại phiên tòa, nguyên đơn rút yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là xe ô tô tải nhãn hiệu MITSUBISHI; số loại: PAJERO; loại xe: ô tô con; màu sơn: Trắng/đen; số chỗ ngồi: 07 chỗ; số máy: 4N15UKD5902; số khung: MMBGUKS10PH011196; biển số đăng ký: 43A-834.93 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 43 011573 do Phòng C1 Công an thành phố T2 cấp ngày 22/5/2024. Xét việc rút yêu cầu của nguyên đơn là tự nguyện và không trái quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm nêu trên theo quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[5] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Đà Nẵng phát biểu quan điểm giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên ông Thiều Quang T và bà Mai Thị Như L phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật. Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP K số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí của Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Về chi phí tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Ngân hàng TMCP K có yêu cầu xem xét, thẩm định tại chỗ đối với tài sản bảo đảm. Tuy nhiên, tại phiên tòa, Ngân hàng rút yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm nên phải tự chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ số tiền 3.000.000 đồng theo quy định tại Điều 157 và Điều 158 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 3 Điều 26; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 157, 158, 227, 228, 244, 266, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Các Điều 117, 280, 357, 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Các Điều 91, 95 và 98 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; khoản 2 Điều 100 và Điều 103 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024;
- Khoản 4 Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N;
- Căn cứ Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;
- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP K đối với bị đơn ông Thiệu Quang T và bà Mai Thị Như L.

1. Buộc ông Thiệu Quang T và bà Mai Thị Như L có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho Ngân hàng TMCP K tổng số tiền tính đến ngày 21/5/2026 là **838.226.720 đồng** (T1 trăm ba mươi tám triệu hai trăm hai mươi sáu nghìn bảy trăm hai mươi đồng), trong đó gồm: Nợ gốc: 790.666.080 đồng; Nợ lãi trong hạn: 43.047.624 đồng; nợ lãi chậm trả lãi trong hạn: 701.122 đồng; Nợ lãi quá hạn: 3.811.894 đồng.

Kể từ ngày 22/5/2026 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ, ông Thiệu Quang T và bà Mai Thị Như L còn phải tiếp tục liên đới chịu khoản tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong “Hợp đồng tín dụng từng lần” số 152/24/HĐTD ngày 24/5/2024. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng TMCP K thì lãi suất mà ông Thiệu Quang T và bà Mai Thị Như L phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng TMCP K cũng được điều chỉnh tương ứng theo sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng.

2. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP K liên quan đến “Giấy đăng ký phát hành kèm hợp đồng sử dụng thẻ quốc tế Đ” số 165/24/TC/0500-001497119 ngày 12/6/2024.

3. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là xe ô tô nhãn hiệu MITSUBISHI; số loại: PAJERO; loại xe: ô tô con; màu sơn: Trắng/đen; số chỗ ngồi: 07 chỗ; số máy: 4N15UKD5902; số khung: MMBGUKS10PH011196; biển số đăng ký: 43A-834.93 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 43 011573 do Phòng C1 Công an thành phố T2 cấp ngày 22/5/2024.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Thiều Quang T và bà Mai Thị Như L phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 37.146.802 đồng.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP K số tiền tạm ứng án phí: 20.057.659 đồng (Hai mươi triệu không trăm năm mươi bảy nghìn sáu trăm năm mươi chín đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003326 ngày 09 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

5. Về chi phí tố tụng: Ngân hàng TMCP K tự chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) (đã nộp và đã chi xong).

6. Quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKS ND Khu vực 2 - Đà Nẵng;
- Phòng THADS Khu vực 2 - Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Trương Thị H

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- Đường sự;
- VKSND Khu vực 2 -Đà Nẵng;
- Phòng THADS Khu vực 2 -Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Trương Thị Hai

